# **HƯỚNG DẤN HỌC SINH TỰ HỌC Ở NHÀ TUẦN 24 NGỮ VĂN 7 KÌ 2**

#  **NĂM HỌC 2019-2020**

# **Bài 1:** Tiếng Việt: **THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

 **THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU (tiếp theo)**

Chú ý: Các em tập trung vào phần I (bài Thêm trạng ngữ cho câu); phần I, bài tập 1 phần III. Luyện tập (bài Thêm trạng ngữ cho câu- *tiếp theo*).

FacebookMessengerEmail

## A. THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

## I. Đặc điểm của trạng ngữ

Đọc đoạn văn đã cho trang 39 SGK Ngữ Văn 7 tập 2. Trả lời câu hỏi **1,2,3 (I**) trong bài.

*Hướng dẫn trả lời chi tiết*

*Xác định số câu trong đoạn và câu có trạng ngữ (1,2,6)*

**1. 2.** Trạng ngữ của câu đầu là:

- **dưới bóng tre xanh** -> Bổ sung thông tin về địa điểm)

- **đã từ lâu đời** ->Bổ sung thông tin về thời gian)

Trạng ngữ của câu thứ hai là:

- **đời đời, kiếp kiếp** ->Bổ sung thông tin về thời gian)

Trạng ngữ của câu cuối (6) là:

- **từ nghìn đời nay**->Bổ sung thông tin về thời gian))

**3.**Có thể chuyển các trạng ngữ trên về giữa câu, cuối câu hoặc đầu câu như sau:

- Người dân cày Việt Nam, ***dưới bóng tre xanh,* đã từ lâu đời**, dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.

- **Đời đời, kiếp kiếp,** tre ăn ở với người.

- Cối xay tre nặng nề quay, xay nắm thóc, ***từ nghìn đời nay***.

Ngoài những cách chuyển các trạng ngữ nói trên sang những vị trí khác trong câu. Còn có nhiều cách chuyển khác. Các em hãy chuyển các trạng ngữ trên sang những vị trí khác trong câu theo ví dụ cô đã làm nhé!

Qua phân tích ví dụ các em cần nắm được nội dung kiến thức cơ bản được thể hiện rõ trong phần ghi nhớ trang 39 SGK Ngữ Văn 7 tập 2.

## II. Luyện tập

**Bài tập 1 sgk trang 39-40** **Ngữ Văn 7 kì 2.**

**Sau khi đọc xong các câu a, b, c, d đã cho trong bài tập 1 các em chú ý vào cụm từ *mùa xuân* ở trong các câu.**

 Trong bốn câu đã cho chỉ có cụm từ Mùa xuân trong câu b: Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít là đóng vai trò trạng ngữ chỉ thời gian.

- Trong các câu còn lại, cụm từ *mùa xuân* lần lượt làm:

 + Chủ ngữ và vị ngữ (câu a);

 + Phụ ngữ trong cụm động từ (câu c);

 + Câu đặc biệt (câu d)

**Bài tập 2 trang 40 sgk Ngữ Văn 7 kì 2**

 Đoạn trích a có các trạng ngữ sau đây:

- “*như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết*”

- “*khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi*”

- “*Trong cái vỏ xanh kia, dưới ánh nắng*”

- “*vì cái chất quý trong sạch của Trời”*

- Đoạn trích b có trạng ngữ:

*Với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói*trên đây

**Bài tập 3.**

**Gợi ý:**

**a. Với kiến thức đã học các em hãy** phân loại các trạng ngữ vừa tìm được ở trên bằng cách lựa chọn đáp án phù hợp sau:

- Trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ cách thức, trạng ngữ chỉ điều kiện, trạng ngữ chỉ mục đích, trạng ngữ chỉ nguyên nhân.

**b.**Dựa vào gợi ý ở câu a các em có thể giải quyết câu b trong bài tập 3.

## B. Bài: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU (tiếp theo)

## I. Công dụng của trạng ngữ

**1. a)**Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng. [...]

**Thường thường, vào khoảng đó** trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê màu. **Sáng dậy**, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. **Trên giàn hoa lí**, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. **Chỉ độ tám chín giờ, trên nền trời trong trong** có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

**b) Về mùa Đông**, lá bàng đỏ như màu đồng hun.

**Lí do không nên lược bỏ trạng ngữ ở trong các ví dụ trên vì:**

**- Các trạng ngữ trên bổ sung cho câu những thông tin cần thiết, làm cho câu miêu tả đầy đủ thực tế khách quan hơn, nhờ có trạng ngữ mà ý văn thêm cụ thể, thêm rõ ràng giúp cho người đọc hiểu được sự việc đã xảy ra vào lúc nào, ở đâu.**

**- Các trạng ngữ còn nối kết các văn trong đoạn làm đoạn văn trở nên mạch lạc.**

**2.**Trong một bài văn nghị luận, trạng ngữ giúp cho việc sắp xếp các luận cứ theo những trình tự thời gian, không gian, nguyên nhân, kết quả được thuận lợi. Trạng ngữ còn giúp cho việc nối kết các câu các đoạn được hoàn chỉnh và mạch lạc chặt chẽ.

Qua quá trình phân tích ví dụ các em nắm nội dung kiến thức cơ bản trong phần ghi nhớ sgk trang 46 Ngữ Văn 7 tập 2:

## II. Tách trạng ngữ thành câu riêng

**1.**Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình. **Và để tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó**.

(Đặng Thai Mai)

Trả lời: Câu in đậm trên chính là bộ phận trạng ngữ được tách rời ra.

**2.** Việc tách trạng ngữ thành câu riêng như ở đây là để nhấn mạnh ý.

Ghi nhớ trang 47 sgk Ngữ Văn ***7* *tập 2.***

### **III. Luyện tập**

**1.Bài tập 1 trang 47 sgk Ngữ Văn 7 tập 2.**

Nêu công dụng của trạng ngữ trong các đoạn trích đã cho:

**Với bài tập này các em sẽ khi xác định trạng ngữ trước khi nêu công dụng của trạng ngữ trong đoạn trích đã cho các**

**a)**

Trạng ngữ: “ở loại bài thứ nhẩt”

Trạng ngữ: “ở loại bài thứ hai”

**b)**Trạng ngữ: *“Đã bao lần”*, “Lần đầu tiên chập chững bước đi,“Lần đầu tập bơi” “Lần đầu tiên chơi bóng bàn”,“Lúc còn học phổ thông"*,“Về môn Hóa”*

Các trạng ngữ trên vừa có tác dụng bổ sung những thông tin tình huống, vừa có tác dụng liên kết các luận cứ trong mạch lập luận của bài văn, giúp bài văn trở nên rõ ràng, dễ hiểu.

**Bài tập 2 trang 47 sgk Ngữ Văn 7 tập 2.**Những trường hợp trạng ngữ được tách thành câu riêng:

**a) -** “Năm 72" (nhằm nhấn mạnh đến thời điểm hi sinh của nhân vật được nói đến trong câu đứng trước).

 - “Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn” (nhằm làm nổi bật thông tin ở nòng cốt câu: thể hiện một tình huống dạt dào cảm xúc. Nếu không tách trạng ngữ ra thành câu riêng, thông tin ở nòng cốt có thể bị thông tin ở trạng ngữ lấn át. Sau nữa, việc tách câu như vậy).

**Bài tập 3 trang 47 sgk Ngữ Văn 7 tập 2.**Viết một đoạn ngắn trình bày suy nghĩ về sự giàu đẹp của tiếng Việt. Chỉ ra các trạng ngữ và cho biết vì sao cần có trạng ngữ trong các trường hợp đó.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# **BÀI 2: TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH (A)**

 **CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH (B)**

 (Các em chú ý với bài học này tập trung vào phần I của mỗi bài.

 Phần II. Luyện tập cả 2 bài Khuyến khích các em tự làm)

FaokMessengerEmail

## A. TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

## I. MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỨNG MINH

## *Các em đọc và nghiên cứu trả lời các yêu cầu 1,2,3 trong sgk trang 41,42*

## *Hướng dẫn chi tiết:*

**1.**Trong đời sống, để không bị hoài nghi về một việc nào đó, người ta cần phải chứng minh để làm rõ sự thật.

Ví dụ

- Đến bưu điện để nhận thư bảo đảm (do bạn gửi cho em theo địa chỉ nhà trường), em cần phải xuất trình giấy báo nhận thư của bưu điện, trong đó có xác nhận của Hiệu trưởng em là học sinh của lớp ..., trường ...

- Để kiểm tra bằng chứng về ngày, tháng, năm sinh, cần đưa ra Giấy khai sinh...

Như vậy, *chứng minh là đưa ra bằng chứng để chứng tỏ một ý kiến (hoặc vấn đề) nào đó là sự thật.*

**2.**Trong văn bản nghị luận, khi người ta chỉ được sử dụng lời văn (không được dùng nhân chứng, vật chứng) thì có thể sử dụng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận để chứng tỏ một ý kiến nào đó là đúng sự thật và đáng tin cậy.

**3.**Trong bài văn Đừng sợ vấp ngã:

a) Luận điểm cơ bản của bài văn này được thể hiện trong nhan đề: Đừng sợ vấp ngã, đồng thời được nhắc lại trong câu: "Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại".

b) Để khuyên người ta "đừng sợ vấp ngã", bài văn đã lập luận theo trình tự:

- Vấp ngã là chuyện bình thường (qua việc lấy các ví dụ dễ thấy);

- Nhiều người nổi tiếng cũng từng vấp ngã, nhưng họ vẫn trở thành nổi tiếng.

- Điều đáng sợ là thiếu sự cố gắng.

Như vậy, phép lập luận chứng minh là dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm cần được chứng minh là đáng tin cậy.

## Qua việc phân tích những nội dung trên các em cần nắm được kiến thức trang

## II. LUYỆN TẬP (trang 43 sgk Ngữ Văn 7 tập 2)

Trong văn bản Không sợ sai lầm:

a) Bài văn nêu lên luận điểm: "Không sợ sai lầm". Những câu mang luận điểm đó là tiêu đề của bài viết, và câu "Những người sáng suốt dám làm, không sợ sai lầm, mới là người làm chủ số phận của mình".

b) Để chứng minh luận điểm của mình, người viết đã nêu những luận cứ:

- Nếu muốn suốt đời không phạm sai lầm, thì hoặc là ảo tưỏng, hoặc là hèn nhát.

- Người sợ sai lầm là người sợ hãi thực tế, không bao giờ có thể tự lập.

- Không chịu mất gì thì sẽ không được gì.

- Sai lầm cũng có hai mặt. Tuy nó đem lại tổn thất, nhưng nó cũng đem đến bài học cho đời.

- Người khác bảo sai chưa chắc đã sai, vì tiêu chuẩn đánh giá khác nhau.

- Thất bại là mẹ của thành công.

Những luận cứ ấy là hiển nhiên, có sức thuyết phục.

c) Khác với bài Đừng sợ vấp ngã, bài văn này người viết dùng lí lẽ và sự phân tích lí lẽ để chứng minh.

## B. CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

## I. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

### **1. Lập luận chứng minh**

Trong văn nghị luận, lập luận chứng minh là cách làm sáng tỏ vấn đề bằng các dẫn chứng hoặc lí lẽ đã được khẳng định trong thực tiễn. Khi lập luận chứng minh, ta có thể dùng dẫn chứng (sự việc, sự kiện, con số...), dùng lí lẽ hoặc dùng cả dẫn chứng và lí lẽ.

Chứng minh nhằm mục đích tác động đến người đọc để họ tin vào ý kiến mà mình đã đưa ra đúng, là phải.

### **2. Những điều lưu ý khi lập luận chứng minh**

Khi lập luận chứng minh, cần phải lưu ý một số điểm sau:

- Xác định rõ vấn đề cần chứng minh.

- Biết tập trung chứng minh điểm nào, mặt nào người đọc chưa tin hoặc chưa tin hẳn. Những gì người đọc đã tin, đã biết thì có thể chỉ cần lướt qua, không cần chứng minh nữa.

- Các dẫn chứng hoặc lí lẽ đưa ra phải phù hợp với vấn đề đang bàn, phải đủ để thuyết phục niềm tin của người đọc.

- Trong các bài nghị luận, lập luận chứng minh thường được dùng kết hợp với lập luận giải thích và ngược lại, lập luận giải thích thường được dùng kết hợp với chứng minh. Khi người đọc chưa hiểu vấn đề nào đó, ta cần phải giải thích để giúp cho họ hiểu. Còn khi họ chưa tin điều ta đưa ra, ta cần phải chứng minh để họ tin vào điều ấy. Khi họ hiểu, họ mới tin và càng tin, họ sẽ lại càng hiểu vấn đề ta trình bày một cách sâu sắc hơn.

Vì thế có thể thấy giải thích và chứng minh thường đi song hành với nhau trong quá trình lập luận.

**3.**Muốn làm bài văn lập luận chứng minh, phải thực hiện bốn bước cơ bản sau:

a) Tìm hiểu đề và tìm ý;

b) Lập dàn bài;

c) Viết bài;

d) Đọc lại và sửa chữa.

**4.**Dàn bài bài văn lập luận chứng minh:

- Mở bài: Nêu luận điểm cần được chứng minh.

- Thân bài: Nêu lí lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ luận điểm là đúng đắn.

- Kết bài: Nêu ý nghĩa luận điểm đã đửợc chứng minh. Chú ý lời văn phần Kết bài nên hô ứng với lời văn phần Mở bài.

**5.**Giữa các phần và các đoạn văn cần có phương tiện liên kết.

## II - LUYỆN TẬP

**Đề bài:** Ca dao thực sự là tiếng hát về lao động và tiếng hát tâm tình của người dân lao động. Em hãy chứng minh điều đó.

### **1. Tìm hiểu đề và tìm ý**

Đề yêu cầu chứng minh nhận định về một nội dung của ca dao. Nhận định đề cập hai ý lớn:

- Ca dao là tiếng hát của người lao động về lao động.

- Ca dao là tiếng hát tâm tình của người lao động.

### **2. Lập dàn bài**

a) Mở bài: Nêu luận điểm cần chứng minh.

b) Thân bài:

- Chứng minh nội dung thứ nhất:

Ca dao là tiếng hát của người lao động về. lao động. Ca dao là tiếng hát của người lao động về công việc của mình: cày bừa, chăm bón, gặt hái; những niềm vui, nỗi buồn trong công việc.

- Chứng minh nội dung thứ hai:

Ca dao là tiếng hát tâm tình của người lao động. Tiếng hát tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, tình cảm bạn bè, tình cảm gia đình (với ông bà, bố mẹ, anh em, vợ chồng).

c) Kết bài: Ý nghĩa của vấn đề cần chứng minh.

FacebookMessengerEmail

## \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

## BÀI 3: LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

## I. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**Đề bài:**Chứng minh rằng nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay luôn luôn sông theo đạo lí Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, Uống nước nhớ nguồn.

Để làm bài văn này, chúng ta có thể tiến hành từng bước như sau:

### **1. Tìm hiểu đề**

a) Về thể loại:

Đây là loại bài đòi hỏi chứng minh một vấn đề không được nói trực tiếp, nói thẳng mà được thể hiện bằng cách nói gián tiếp. Vì thế trước khi chứng minh, các em cần giải thích rõ cách hiểu của mình về vấn đề nói gián tiếp đó là gì. Sau khi giải thích, các em mới tiến hành chứng minh.

b) Vấn đề cần phải chứng minh:

Cả hai câu tục ngữ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, Uống nước nhớ nguồn đều có một vấn đề chung, đó là: Phải biết ơn những người tạo thành quả cho mình được hưởng.

- Tư liệu dùng để chứng minh:

+ Những lí lẽ.

+ Những dẫn chứng có trong sách vở hoặc trong đời sống xã hội.

### **2. Tìm ý**

Để tìm ý phục vụ cho việc lập dàn bài, các em có thể dựa vào các câu hỏi gợi ý sau:

- Em hiểu thế nào là ăn quả, uống nước và nhớ kẻ trồng cây, nhớ nguồn?

Vì sao ăn quả, uống nước lại phải nhớ kẻ trồng cây, nhớ nguồn?

Nhớ kẻ trồng cây, nhớ nguồn được thể hiện ra như thế nào? Em có những dẫn chứng nào để minh hoạ cho việc nhân dân Việt Nam luôn luôn sống theo đạo lí Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, Uống nước nhớ nguồn?

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# **Bài 4. Văn bản: ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ**

**(Phạm Văn Đồng)**

FacebookMessengerEmail

## I - HƯỚNG DẪN ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

## Hướng dẫn trả lời phần Đọc -Hiểu văn bản trong bài.

**1.** Đối tượng và đề tài nghị luận đã được nêu rõ trong đề bài và câu mở đầu của bài văn:

- Đức tính giản dị của Bác Hồ.

- [...] Sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch.

Luận điểm chính của toàn bài được thể hiện rõ ở câu thứ nhất trong đoạn mở đầu.

(Câu thứ hai nhằm làm sáng tỏ, khẳng định luận điểm đã nêu ở câu thứ nhất.)

Tác giả đã chứng minh đức tính giản dị của Bác trên 2 phương diện chính:

\* Giản dị trong lối sống

- Trong sinh hoạt, làm việc:

+ Bữa cơm chỉ có vài ba món.

+ Cái nhà sàn chỉ vẻn vẹn vài ba phòng.

+ Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ việc lớn đến việc rất nhỏ.

- Trong quan hệ với mọi người:

+ Viết thư cho chiến sĩ

+ Nói chuyện với các cháu Miền Nam.

+ Đi thăm nhà tập thể của công nhân.

…

*\* Giản dị trong cách nói và viết:*

- “Không có gì quí hơn độc lập, tự do”

- “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi”

….

-> Đây là những câu nói nổi tiếng của Bác, mọi người dân đều biết.

2. Trình tự tập luận của tác giả trong bài:

- Dùng lí lẽ để khẳng định đời sống bình thường cũng như đời hoạt động cách mạng của Bác Hồ là vô cùng giản dị, khiêm tốn, trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp.

- Dùng nhiều dẫn chứng để chứng minh về sự giản dị đó.

 Bố cục của bài văn: Vì đây chỉ là một đoạn trích nên không có đủ các thành phần trong bố cục thông thường của một bài văn nghị luận. Cụ thể:

- Mở bài: *Sự nhất quán giữa cuộc đời cách mạng và cuộc sống thanh bạch, giản dị của Bác. (2 câu đầu) – Nhận định chung về đức tính giản dị của Bác.*

- Thân bài: *Tác giả chứng minh sự giản dị của Bác trong sinh hoạt, lối sống, việc làm:*

+ Bữa ăn thanh đạm, giản dị.

+ Căn nhà sàn đơn sơ, gần gũi thiên nhiên.

+ Việc làm: Từ việc nhỏ đến việc lớn nhưng Bác ít cần đến người phục vụ.

+ Sự giản dị trong đời sống vật chất đi liền với đời sống tinh thần phong phú cao đẹp.

+ Giản dị trong lời nói, bài viết.

**3. Nhận xét về nghệ thuật chứng minh trong**đoạn văn từ "Con người của Bác" đến "Nhất, Định, Thắng, Lợi!":

 Phép lập luận chủ yếu trong đoạn văn này là chứng minh. Tác giả đưa ra một hệ thống luận cứ đầy đủ, với lí lẽ chặt chẽ và những dẫn chứng xác thực, cụ thể, toàn diện, nhằm làm sáng tỏ luận cứ.

Những chứng cứ ở đoạn văn từ "Con người của Bác" đến "Nhất, Định, Thắng, Lợi!" rất giàu sức thuyết phục vì tác giả đã đưa ra một hệ thống luận cứ toàn diện, các dẫn chứng đều cụ thể, xác thực và rất phong phú:

- Tác giả đưa ra dẫn chứng về nhiều mặt: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống.

- Dẫn chứng kèm theo lời phân tích thật thấu đáo làm nổi bật lên nhiều đức tính tốt đẹp của Bác Hồ: Người không chỉ giản dị trong cách sống mà còn rất quý trọng con người, quan tâm tới mọi người xung quanh, Người siêng năng làm việc từ việc rất lớn đến việc thật nhỏ nhặt. Cái tên mà Người đặt cho các đồng chí phục vụ cũng thể hiện niềm tin của Người vào sự nghiệp chung của Đảng, của dân tộc.

- Lời văn chứng minh được lồng vào những hình ảnh nghệ thuật đẹp đẽ, đặc sắc: “và trong lúc tâm hồn của Bác lộng gió thời đại, thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao”.

- Cuối cùng ta thấy rõ tình cảm của người viết được gửi vào mỗi câu văn là tình cảm chân thành, là tình yêu kính tha thiết đối với Bác Hồ. Tất cả các yếu tố trên đã góp phần làm nên sức lôi cuốn của bài văn, tạo nên sức thuyết phục cao.

**4.** Đọc kĩ đoạn văn: “*Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch như vậy, bởi vì Người sống sôi nổi, phong phú đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân. Đời sống vật chất giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất*”.

Trong đoạn văn trên tác giả đã dùng lí lẽ để giải thích rõ, nhằm đưa ra nhận xét, bình luận, chứng minh đời sống giản dị thanh bạch của Bác Hồ. Vậy tác giả đã dùng phép lập luận chứng minh, lập luận giải thích, nhận xét và nhằm làm sang tỏ vấn đề: *Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch.*

Cách kết hợp các phương pháp lập luận như vậy giúp cho tác giả soi sáng vấn đề từ nhiều góc độ, cũng khiến bạn đọc hiểu sâu sắc hơn vấn đề, đồng thời sức thuyết phục và độ hấp dẫn được tăng cao.

**5.**Những nét đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của bài văn:

- Luận điểm ngắn gọn, tập trung.

- Luận cứ xác đáng, toàn diện.

- Dẫn chứng chứng phong phú, cụ thể.

- Các câu văn cũng rất trong sáng với cách dùng từ ngữ độc đáo tài hoa, có tính nghệ thuật cao.

***\*Ghi nhớ trang 55 sgk Ngữ Văn 7 tập 2***

FacebookMessengerEmail

## II - HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

***1.Bài tập 1 trang 55 sgk Ngữ Văn 7 tập 2***

Một số ví dụ về sự giản dị trong đời sống và trong thơ văn của Bác Hồ:

 “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”.

(Trích bài “Đạo đức cách mạng”)

“Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ trên đất nước ta hiện nay là một cuộc chiến tranh tàn bạo nhất trong lịch sử loài người. Giặc Mỹ tưởng lầm rằng, với hơn một triệu quân, trong đó có hơn 50 vạn quân Mỹ, với sức mạnh của vũ khí hiện đại, chúng có thể khuất phục được nhân dân ta. Sự thật hoàn toàn trái lại. Đồng bào và chiến sĩ miền Nam anh hùng, cả dân tộc Việt Nam anh hùng đã kiên quyết đứng lên, triệu người như một, chiến đấu vô cùng anh dũng, đánh bại mọi kế hoạch quân sự và chính trị của quân thù, giành nhiều thắng lợi ngày càng to lớn”.

(*Trích “Lời kêu gọi” nhân ngày 20 tháng 7 năm 1968)*

*Các em sưu tầm một số ví dụ về sự giản dị trong thơ văn của Bác Hồ ngoài những ví dụ trên* *nhé!*

***2****.* ***Bài tập 2 trang 55 sgk Ngữ Văn 7 tập 2***

Gợi ý:

Bài văn của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho thấy: đức tính giản dị là lối sống không cầu kì, xa hoa, đòi hỏi quá mức. Có được đức tính này, sẽ dễ gần gũi, hoà đồng với mọi người.

Các em học sinh cần thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy; thực hiện đúng kỉ luật của nhà trường: Học sinh cần ăn mặc, tác phong phù hợp với lứa tuổi học sinh, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của gia đình; không đua đòi, a dua, chạy theo nhu cầu vật chất hình thức bên ngoài; lời nói ngắn gọn, dễ hiểu; đối xử với mọi người một cách chân thành, cởi mở. Đặc biệt, học sinh cần phải quý trọng những gì mình đang có, biết thông cảm, chia sẻ cuộc sống khó khăn với người khác; tiết kiệm thời gian, sức khỏe; tiền bạc để chăm lo học tập xứng đáng là con ngoan, trò giỏi, cháu ngoan Bác Hồ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*